

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
BIÊN DỊCH 1

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Biên dịch 1

2. Mã học phần: NNTQ 010

3. Số tín chỉ: 2 (0,2)

4. Trình độ cho sinh viên: Sinh viên đại học năm thứ 3 (kỳ II)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 0 tiết lý thuyết, 60 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Lý thuyết dịch

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Lan Hương	0977612288	ttlhuong@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Hứa Thị Xuyên	0364452107	htxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Biên dịch 1 gồm 4 chương. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: Từ vựng, cách dùng từ, cấu trúc câu cố định, cấu trúc các loại câu phức, cách biểu đạt đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày được cách dịch cấu trúc câu trong câu	4	[1.2.1.2d]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
	đơn, câu phức và các đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.		
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Sử dụng đúng kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc câu, các thuật ngữ chuyên ngành có liên quan đến các lĩnh vực của đời sống: Giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.	4	[1.2.2.1]
MT2.2	Tuân thủ văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc trong thực hành kỹ năng dịch và biết gìn giữ văn hoá của Việt Nam trong giao tiếp hàng ngày và trong công việc.	4	[1.2.2.1]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Xác định được các từ vựng, cụm từ, từ viết tắt và cấu trúc câu được dùng để dịch các bài có liên quan đến các lĩnh vực của đời sống: Giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.	4	[2.1.4]
CĐR1.2	Trình bày được nghĩa của các cấu trúc cố định trong chương 1, áp dụng làm bài tập.	4	[2.1.4]
CĐR1.3	Trình bày được ý nghĩa, đặc điểm, cách dùng của các cặp liên từ trong câu phức đẳng lập, câu phức	4	[2.1.4]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
	chính phụ.		
CDR1.4	Liệt kê được các từ vựng, cụm từ, cấu trúc câu sử dụng để dịch các đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.	4	[2.1.4]
CDR1.5	Xác định, liệt kê được các từ, cụm từ thường xuyên viết tắt bằng chữ la tinh về các tổ chức quốc tế, và các đơn vị tổ chức khác bằng tiếng Trung.	4	[2.1.4]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Phân tích được đặc điểm các loại văn bản, vận dụng đúng từ ngữ, cấu trúc câu phù hợp và kỹ thuật dịch để dịch đúng các văn bản có liên quan đến các lĩnh vực trong học phần.	4	[2.2.2]
CDR2.2	Dịch đúng các nội dung so với văn bản gốc. Tuân thủ đúng các yêu cầu dịch đối với từng dạng văn bản theo đúng văn phong tiếng Trung Quốc.	4	[2.2.2]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.3]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	4	[2.3.3]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	4	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CDR1					CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第一章 固定词组的翻译	x	x				x	x	x	x	x
2	第二章 复句的翻译	x		x			x	x	x	x	x
3	第三章 短语的翻译	x			x		x	x	x	x	x
4	第四章 越语缩略语的翻译	x				x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài thực hành dịch trong giờ học, bài kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập thực hành dịch trong giờ học, bài kiểm tra thường xuyên, bài nghe kiểm tra định kỳ
CĐR3	Hoàn thành các bài tập thực hành dịch trong các giờ học, bài kiểm tra thường xuyên, bài dịch kiểm tra định kỳ

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên.	1 điểm	10%	
	- Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	10%	
2	Bài kiểm tra định kỳ	02 bài kiểm tra kỹ năng dịch Hình thức: Tự luận (Dịch viết)	80%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp, tự luận.

- Kiểm tra định kỳ: Tự luận (02 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Tham gia kiểm tra các bài kiểm tra định kỳ.

- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ, (2019), *Giáo trình Biên dịch 1*.

[2] - Nhật Phạm (2018), *Bài tập luyện dịch tiếng Trung ứng dụng*, NXB Hồng Đức.

- Tài liệu tham khảo:

[3] - Diêu Hồ - Trần Thị Tú Oanh, (2019), *Tuyển tập 400 mẫu bài dịch Trung - Việt, Việt Trung*, NXB Đà Nẵng.

[4] - Nguyễn Hữu Trí, (2003), *Thực hành ngữ pháp tiếng Hán hiện đại*, NXB Đà Nẵng.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

T T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>第一章 固定词组的翻译</p> <p>Mục tiêu chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các từ, cụm từ và cấu trúc câu cố định cần dịch trong chương. - Sử dụng đúng từ, cấu trúc câu phù hợp để dịch văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung theo chủ đề của bài. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>幸亏... 要不/要不然/才...; 由...决定...; 再也不/再也没有...; 是...的; 都...了; 有的... 有的... ;越...越...; 越来越...; 除...以外, ...; 对...来说...; 一天比一天; 非...不可...; 好容易才/好不容易... ;连...都/也... ;又...又...; 太...了; 该...了; 在...下; 到...为止; 再三...</p>	<p>16 (OLT,16TH)</p>	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải, phân tích cách dùng cấu trúc câu cố định cần dịch trong chương. + Phân nhóm, giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài. + Gọi sinh viên trả lời, trình bày kết quả thảo luận nhóm. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 6. [2]: Trang 55 - 100. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, làm bài, trả lời, thảo luận và trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 1 - 6. [3]: Trang 5 - 40. 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.</p>
2	<p>第二章 复句的翻译</p> <p>Mục tiêu chương:</p>	<p>15 (OLT,13TH, 2KT)</p>	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR2.1,</p>

T T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>- Xác định được các từ, cụm từ và các cặp liên từ của câu phức cần dịch trong chương.</p> <p>- Sử dụng đúng từ, cấu trúc câu phù hợp để dịch văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung theo chủ đề của bài.</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：联合复句 第二节：偏正复句</p> <p>Bài kiểm tra số 1.</p>		<p>+ Giảng giải, phân tích cách dùng, đặc điểm của các cặp liên từ của câu phức đẳng lập và câu phức chính phụ cần dịch trong chương.</p> <p>+ Phân nhóm, giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời, trình bày kết quả thảo luận nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 7 - 18. [2]: Trang 55 - 100. [4]: Trang 475 - 503.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</p> <p>+ Suy nghĩ, làm bài, trả lời, thảo luận và trình bày kết quả.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 7 - 18. [2]: Trang 41 - 80.</p> <p>+ Làm bài kiểm tra số 1.</p>	CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
3	<p>第三章 短语的翻译</p> <p>Mục tiêu chương: Liệt kê được các từ vựng, cụm từ, cấu trúc câu sử dụng để dịch các đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống như</p>	15 (OLT,13TH, 2KT)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giảng giải, phân tích cách dùng từ vựng, cụm từ, cấu trúc câu sử dụng để dịch các</p>	CĐR1.1, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phân
	<p>giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch địa lý, đất nước con người Việt Nam.</p> <p>- Sử dụng đúng từ, cấu trúc câu phù hợp để dịch văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung theo chủ đề của bài.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第一节：交际理论 第二节：社会 - 经济 第三节：体育 - 文化 第四节：技术 - 科学 第五节：越南概况 第六节：教育 第七节：历史 - 地理 第八节：经营 - 商业</p>		<p>đoạn văn trong các lĩnh vực của đời sống trong chương.</p> <p>+ Phân nhóm, giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời, trình bày kết quả thảo luận nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 19 - 34. [2]: Trang 104 - 177.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</p> <p>+ Suy nghĩ, làm bài, trả lời, thảo luận và trình bày kết quả.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 19 - 34. [3]: Trang 81- 100.</p>	
4	<p>第四章</p> <p>越语缩略语的翻译</p> <p>Mục tiêu chương:</p> <p>- Xác định, liệt kê được các từ, cụm từ thường xuyên viết tắt bằng chữ la tinh về các tổ chức quốc tế, và các đơn vị tổ chức khác bằng tiếng Trung.</p> <p>- Sử dụng đúng từ, cấu trúc câu phù hợp để dịch văn bản</p>	14 (OLT, 2TH, 2KT)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giảng giải, đưa nghĩa các từ, cụm từ được viết tắt trong chương, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phân nhóm, giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời, trình bày kết quả thảo luận nhóm.</p>	CĐR1.1, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	từ tiếng Trung sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Trung theo chủ đề của bài. Nội dung cụ thể: 1. 国际组织 2. 其他组织级单位名称		+ Nhận xét, đánh giá kết quả. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 35 - 48. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, làm bài, trả lời, thảo luận và trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong: [3]: Trang 101 - 139. + Làm bài kiểm tra số 2.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa